

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật
Cụm công nghiệp Hoài Châu tại thôn An Quý Bắc,
xã Hoài Châu, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 339/STNMT-CCBVMT ngày 16/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hoài Châu tại thôn An Quý Bắc, xã Hoài Châu, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hoài Châu tại thôn An Quý Bắc, xã Hoài Châu, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 02/CV ngày 13/3/2023 của Công ty CP Lâm nghiệp Kim Thành Lập;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 291/TTr-STNMT ngày 29/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hoài Châu (sau đây gọi là Dự án) của Công ty CP Lâm nghiệp Kim Thành Lập (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn An Quý Bắc, xã Hoài Châu, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND xã Hoài Châu;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KỸ THUẬT
CỤM CÔNG NGHIỆP HOÀI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Hoài Châu.

- Địa điểm thực hiện: Thôn An Quý Bắc, xã Hoài Châu, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: Công ty CP Lâm nghiệp Kim Thành Lập.

- Địa chỉ liên hệ: 11 Lê Lợi, phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

Diện tích dự án: 25 ha.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án: San nền, giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án: 01 lán trại diện tích khoảng 100 m² và 02 nhà vệ sinh di động.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: không.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công, xây dựng: bụi, khí thải trong quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng, máy móc thi công, phương tiện vận chuyển; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

- Giai đoạn hoạt động: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp; bụi, khí thải của phương tiện giao thông; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải

- Giai đoạn xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $1,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$; nước thải xây dựng phát sinh khoảng $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Giai đoạn hoạt động: nước thải phát sinh khoảng $261,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Tính chất nước thải: nước thải từ quá trình xây dựng có hàm lượng chất rắn lơ lửng cao; nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

3.2. Khí thải

- Giai đoạn xây dựng: bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng; bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị thi công.
- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các nhà máy trong cụm công nghiệp.
- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.3.1. Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 20 kg/ngày . Thành phần chủ yếu là bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...
- Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng $49,43 - 98,96 \text{ tấn}$. Thành phần chủ yếu là sắt thép vụn, bao xi măng, thùng nhựa,...

3.3.2. Chất thải nguy hại

- Giai đoạn xây dựng: phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, ắc quy, pin,...) phát sinh với khối lượng khoảng 100 kg trong toàn bộ thời gian thi công.
- Giai đoạn hoạt động: phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, giẻ lau bị nhiễm dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, thiết bị, linh kiện điện tử thải bỏ, ắc quy, pin, hộp mực in thải có thành phần nguy hại, bao bì hóa chất thải). Trong đó, khối lượng phát sinh từ khu vực văn phòng của chủ đầu tư cụm công nghiệp khoảng $31,33 \text{ kg/năm}$.

3.4. Tiếng ồn và độ rung

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn và độ rung có khả năng ảnh hưởng đến các khu dân cư lân cận.
- Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng tới một số khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Đối với thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn thi công

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động tại công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; khi bể đầy, thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất: bố trí các rãnh thu gom nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước.

b) Đối với thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải gồm các ống dẫn, hố ga đầy nắp.

- Nước thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp sau khi xử lý sơ bộ (theo quy định và thỏa thuận giữa chủ đầu tư cụm công nghiệp với các doanh nghiệp thứ cấp trong cụm công nghiệp) sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

- Xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung (phía Đông Bắc dự án), công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K_q = 0,9, K_f = 1,1 trước khi thải ra ruộng hồ phía Đông dự án và xả thải vào suối Găng tại phía Nam dự án. Hệ thống xử lý nước thải tập trung chia làm 02 mô đun xử lý tương ứng với 02 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Hệ thống xử lý công suất 150 m³/ngày.đêm, hoàn thành trước khi cụm công nghiệp đi vào hoạt động.

+ Giai đoạn 2: Hệ thống xử lý công suất 150 m³/ngày.đêm, hoàn thành trước khi cụm công nghiệp có tỷ lệ lấp đầy 70%.

- Sơ đồ công nghệ xử lý:

Nước thải thu gom từ các nhà máy thứ cấp → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Ruộng xả thải → Suối Găng.

- Chế độ vận hành: liên tục, 24/24h.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày, cam kết bổ sung nếu vẫn còn phát sinh bụi.

- Phương tiện vận chuyển chở nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận

chuyển trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín để tránh rơi vãi.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa, đảm bảo không cho phát tán bụi ra xung quanh.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành:

- Trồng cây xanh trong phạm vi cụm công nghiệp song song với quá trình thi công xây dựng hạ tầng, đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch phê duyệt là 33.013,67 m² (đạt 13,21%) và đảm bảo dải cây xanh cách ly xung quanh cụm công nghiệp với chiều rộng 10 mét. Tăng cường dải cây xanh cách ly phía Tây của cụm công nghiệp với chiều rộng 15 mét để giảm thiểu tác động đến khu dân cư.

- Về quy hoạch bố trí các hạng mục công trình của các nhà máy thứ cấp của cụm công nghiệp: Yêu cầu các chủ đầu tư thứ cấp bố trí các hạng mục công trình phát sinh bụi và khí thải (ống khói hệ thống xử lý khí thải lò hơi, hệ thống xử lý bụi gỗ, bãi chứa gỗ nguyên liệu....) ở phía Đông Bắc của lô đất nhà máy nhằm giảm thiểu tác động của bụi, khí thải ở mức thấp nhất đến khu dân cư phía Tây.

- Yêu cầu các chủ đầu tư thứ cấp tăng cường dải cây xanh phía Tây của các nhà máy thứ cấp trong hồ sơ quy hoạch để giảm thiểu tác động của bụi, khí thải ở mức thấp nhất đến khu dân cư phía Tây.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Giai đoạn xây dựng

- Bố trí 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt chuyên dụng loại 120 lít, có nắp đậy tại khu vực lán trại, văn phòng, công trường thi công và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý với tần suất 02 lần/tuần.

- Thu gom toàn bộ chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Đối với loại có thể tái chế, được thu gom và hợp đồng bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu. Đối với loại không tái chế: được thu gom, lưu giữ tạm tại khu vực có diện tích khoảng 100 m² và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: thu gom, hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Giai đoạn hoạt động

- Xây dựng nhà chứa chất thải rắn diện tích 30 m² (gồm 03 kho chứa) để lưu chứa: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung và chất thải nguy hại.

- Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với các dự án thứ cấp hoạt động trong cụm công nghiệp: Chủ dự án thứ cấp có trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn chuẩn bị và thi công

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 – 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.3.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy, cụm công nghiệp để giảm mức ồn lan truyền ra bên ngoài.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

4.5.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Xây dựng bể sự cố có khả năng lưu chứa nước thải tối thiểu 01 ngày để phòng ngừa, ứng phó sự cố khi có sự cố xảy ra với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Ban hành nội quy cụ thể về an toàn sử dụng điện, an toàn phòng cháy chữa cháy.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án

5.1. Giám sát trong quá trình thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

- + Phía Đông Bắc của dự án. Tọa độ: X = 1611631; Y = 584233.

- + Phía Tây Nam dự án. Tọa độ: X = 1611613; Y = 584233.

- Thông số giám sát: Bụi, CO, NO₂, SO₂, tiếng ồn.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

5.1.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại: Tiến hành giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung

a) Quan trắc tự động, liên tục:

- Vị trí: Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS,

COD, Amoni.

b) Quan trắc định kỳ:

- Vị trí: Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tọa độ: X = 1611240; Y = 584300.

- Thông số giám sát: độ màu, BOD₅, tổng P, dầu mỡ khoáng, Coliform, Clo dư.- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, Kq=0,9, Kf=1,1).

5.2.2. Giám sát chất thải rắn, CTNH: Giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý.

5.2.3. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định.